

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 22-9-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Hiền; Ông Lương Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ôn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị O**, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Bản HX1, xã KL, huyện ĐBD, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn C**, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Bản HX1, xã KL, huyện ĐBD, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2022 của nguyên đơn chị Cà Thị O; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Lò Văn C ngày 09/8/2022 và các tài liệu chứng cứ khác do các đương sự cung cấp, tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án. Nội dung vụ án các đương sự tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cà Thị O và anh Lò Văn C đều khai cả hai chỉ lấy nhau theo phong tục tập quán về chung sống với nhau từ năm 2000. Không đăng ký kết hôn. Sau khi lấy nhau chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng cả hai không thay đổi. Chị O và anh C đã sống ly

thân từ năm 2015 cho đến nay. Chị O không còn tình cảm với anh C nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị O.

[2]. *Về con chung, con riêng*: Các đương sự đều có lời khai thể hiện trong quá trình sống chung có 02 con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/04/2004 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 26/8/2008. Cháu Lò Văn B đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lò Thị H, chị O có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Anh C có lời khai thể hiện anh tôn trọng ý kiến của các cháu các cháu muốn ở với ai tùy theo nguyện vọng của các cháu. Cả chị O và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng*: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: Đối với cháu Lò Văn B đã đủ 18 tuổi và cháu đã có lời khai thể hiện cháu đã trưởng thành tự chăm sóc được bản thân. Còn cháu Lò Thị H có đơn nguyện vọng gửi đến Tòa án thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ do mẹ là người nuôi dưỡng chăm sóc cháu từ nhỏ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng quy định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 53; Điều 58; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cà Thị O và anh Lò Văn C. Giao cháu Lò Thị H cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu của nguyên đơn: ngày 01/8/2022 chị Cà Thị O nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Chị O có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và được Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 02/8/2022, Tòa án nhân

dân huyện Điện Biên Đông đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị O theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản HX II, xã Keo Lô, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Cương. Tuy nhiên, do bận công việc cá nhân anh Cương không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử ngày hôm nay theo giấy triệu tập của Tòa án được. Ngày 20/9/2022, anh Cương đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì thêm. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy rằng, hôn nhân giữa chị Cà Thị O và anh Lò Văn C chỉ cưới hỏi theo phong tục của người dân tộc Thái rồi về sống với nhau từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn. Mặc dù các bên đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Nay chị Cà Thị O làm đơn xin ly hôn do đó, cần căn cứ khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Oanh và anh Cương để chấm dứt mối quan hệ này.

2.2. Về con chung: Các đương sự có 02 người con chung là cháu Lò Văn B, sinh ngày 07/04/2004 và cháu Lò Thị H, sinh ngày 26/8/2008. Hội đồng xét xử xét thấy đến thời điểm xét xử cháu Lò Văn Biên, sinh ngày 07/04/2004 đã đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ cho nên Hội đồng xét xử không xem xét việc giao người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn B. Còn cháu Lò Thị H đang ở tuổi vị thành niên cần bố mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của cháu và căn cứ vào ý kiến của chị Oanh và anh Cương cho nên cần giao cháu Lò Thị H cho chị Cà Thị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Anh Cương có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án chị Cà Thị O có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại Bản Huổi Xa 1, xã KL, huyện ĐBD nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị O là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 69; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa chị Cà Thị O và anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 26/8/2008 cho chị Cà Thị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Cà Thị O không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về Tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Chị Cà Thị O và anh Lò Văn C không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cà Thị O được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2022). Bị đơn anh Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện DBĐ;
- CCTHADS huyện DBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hồng Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hiền Vì Thị Lún

Lê Hồng Quang